

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Tp. HCM, Ngày 13 tháng 08 năm 2022

**TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
KHOẢN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP Hà Nội

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS**

Mã chứng khoán: TOT

Địa chỉ trụ sở chính: 7/1 Bình Thọ, Phường Trường Thọ, TP.Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0948666057

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Hải Nhật

Địa chỉ: Lô A1,A2,A7, Đường số 1, KCN Bình Chiểu, P.Bình Chiểu, TP.Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: 0902868069

Fax: 028.3720 6816

Loại thông tin công bố ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ Bất thường ☐ Theo yêu cầu ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 13/08/2022 tại
đường dẫn: www.transimextrans.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm
trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm

- Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022

Người được ủy quyền công bố thông tin



Nguyễn Hải Nhật

Công ty Cổ phần Transimex Logistics
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Transimex)

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Công ty Cổ phần Transimex Logistics
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Transimex)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 30

Công ty Cổ phần Transimex Logistics

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Transimex)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Transimex Logistics ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Transimex, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0307821849 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2009, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường biển và đường thủy nội địa; bốc xếp hàng hóa; lưu trữ hàng hóa và dịch vụ đóng gói.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 7/1 Ấp Bình Thọ, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Chí Đức	Chủ tịch	
Ông Bùi Minh Tuấn	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2022
Ông Nguyễn Huy Diệu	Phó Chủ tịch	từ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2022
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên	
Ông Trịnh Anh Tuấn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2022
Bà Lê Thị Bích Khuê	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2022
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên	từ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Đức Nguyên	Trưởng ban
Ông Trần Thanh Tùng	Thành viên
Bà Nguyễn Huỳnh Phương Thảo	Thành viên

GIÁM ĐỐC

Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Anh Tuấn.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Chí Đức.

Ông Phạm Anh Tuấn được Ông Nguyễn Chí Đức ủy quyền để ký báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo Giấy Ủy quyền số 04/UQ.TMS/TRANS.2022 ngày 1 tháng 8 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Transimex Logistics

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Transimex)

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Transimex Logistics ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Transimex, hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phạm Anh Tuấn
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2022

Số tham chiếu: 61712118/ 66714250/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Transimex Logistics

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Transimex Logistics ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Transimex, được lập ngày 10 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 30, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		40.408.084.658	37.053.591.655
110	I. Tiền	4	2.201.087.704	8.589.988.661
111	1. Tiền		2.201.087.704	8.589.988.661
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		35.023.036.493	25.878.715.936
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	28.088.436.545	18.078.914.184
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	149.626.111	1.058.461.567
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	7.353.726.672	7.400.093.020
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(568.752.835)	(658.752.835)
140	III. Hàng tồn kho	7	362.099.301	390.044.872
141	1. Hàng tồn kho		362.099.301	390.044.872
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		2.821.861.160	2.194.842.186
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	2.634.175.230	2.194.842.186
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	12	144.012.086	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	43.673.844	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		40.174.109.268	37.593.864.390
210	I. Phải thu dài hạn		246.827.000	246.827.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	246.827.000	246.827.000
220	II. Tài sản cố định		39.074.511.103	36.513.713.456
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	39.074.511.103	36.513.713.456
222	Nguyên giá		99.217.559.328	93.249.721.923
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(60.143.048.225)	(56.736.008.467)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228	Nguyên giá		47.250.000	47.250.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(47.250.000)	(47.250.000)
260	III. Tài sản dài hạn khác		852.771.165	833.323.934
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	852.771.165	833.323.934
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		80.582.193.926	74.647.456.045

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		21.540.877.274	11.642.002.777
310	I. Nợ ngắn hạn		19.290.877.274	11.642.002.777
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	10.259.017.814	4.858.789.222
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	27.676.188	758.967.564
314	3. Phải trả người lao động		834.197.997	1.313.695.619
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		377.540.288	106.266.568
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	13	896.571.491	848.149.945
320	6. Vay ngắn hạn	14	6.750.000.000	3.000.000.000
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	145.873.496	756.133.859
330	II. Nợ dài hạn		2.250.000.000	-
338	1. Vay dài hạn	14	2.250.000.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		59.041.316.652	63.005.453.268
410	I. Vốn chủ sở hữu	16.1	59.041.316.652	63.005.453.268
411	1. Vốn cổ phần		54.950.000.000	54.950.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		54.950.000.000	54.950.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.091.316.652	8.055.453.268
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		4.208.953.268	4.090.044.475
421b	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		(117.636.616)	3.965.408.793
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		80.582.193.926	74.647.456.045

Phạm Đông Đức
Người lập

Nguyễn Hải Nhật
Kế toán trưởng

Phạm Anh Tuấn
Giám đốc



Ngày 10 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
10	1. Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	17.1	59.667.299.561	55.379.898.847
11	2. Giá vốn cung cấp dịch vụ	18	(54.218.799.836)	(47.012.212.485)
20	3. Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ		5.448.499.725	8.367.686.362
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	10.395.967	16.212.404
22	5. Chi phí tài chính	19	(173.499.069)	(158.340.581)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(159.164.347)	(147.123.295)
25	6. Chi phí bán hàng		(3.282.000)	-
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(5.509.214.202)	(5.978.463.889)
30	8. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(227.099.579)	2.247.094.296
31	9. Thu nhập khác	21	109.462.963	2.536.645.113
32	10. Chi phí khác	21	-	(35.772.596)
40	11. Lợi nhuận khác	21	109.462.963	2.500.872.517
50	12. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(117.636.616)	4.747.966.813
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	-	(1.043.346.580)
60	14. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(117.636.616)	3.704.620.233
70	15. (Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.3	(21)	674
71	16. (Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu	16.3	(21)	674

Phạm Đông Đức
Người lập

Nguyễn Hải Nhật
Kế toán trưởng

Phạm Anh Tuấn
Giám đốc



Ngày 10 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

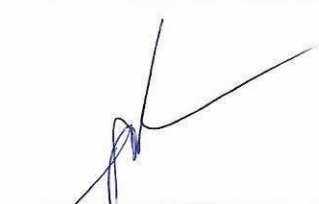
VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(117.636.616)	4.747.966.813
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	9, 10	3.843.539.758	3.757.860.198
03	(Hoàn nhập) dự phòng		(90.000.000)	658.752.835
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(119.858.930)	(2.552.576.042)
06	Chi phí lãi vay	19	159.164.347	147.123.295
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.675.208.559	6.759.127.099
09	Tăng các khoản phải thu		(9.242.006.487)	(7.541.490.735)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		27.945.571	(100.216.587)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		4.234.132.675	(301.831.322)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(458.780.275)	475.179.032
14	Tiền lãi vay đã trả		(47.260.274)	-
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(624.045.213)	(1.763.851.775)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(727.260.363)	(481.560.454)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(3.162.065.807)	(2.954.644.742)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(5.648.330.000)	-
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		212.962.963	2.536.363.638
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi		10.395.967	16.212.404
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(5.424.971.070)	2.552.576.042


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
33	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Tiền thu từ đi vay		6.000.000.000	-
	Cổ tức đã trả	16.2	(3.801.864.080)	(3.790.391.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng) vào hoạt động tài chính		2.198.135.920	(3.790.391.500)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(6.388.900.957)	(4.192.460.200)
60	Tiền đầu kỳ	4	8.589.988.661	7.362.067.463
70	Tiền cuối kỳ	4	2.201.087.704	3.169.607.263


Phạm Đông Đức
Người lập


Nguyễn Hải Nhật
Kế toán trưởng


Phạm Anh Tuấn
Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Transimex Logistics (“Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Transimex, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0307821849 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2009, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường biển và đường thủy nội địa; bốc xếp hàng hóa; lưu trữ hàng hóa và dịch vụ đóng gói.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 7/1 Ấp Bình Thọ, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 94 (ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 88).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa. - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	2 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 8 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền mặt	1.698.736.307	1.648.136.367
Tiền gửi ngân hàng	502.351.397	6.941.852.294
TỔNG CỘNG	2.201.087.704	8.589.988.661

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	23.003.128.873	12.301.964.156
Phải thu từ bên khác	5.085.307.672	5.776.950.028
Công ty TNHH Giấy Đồng Tiến Bình Dương	1.011.387.600	1.698.463.200
Các khách hàng khác	4.073.920.072	4.078.486.828
TỔNG CỘNG	28.088.436.545	18.078.914.184
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(568.752.835)	(658.752.835)
GIÁ TRỊ THUẦN	27.519.683.710	17.420.161.349

5.2 Trả trước ngắn hạn cho người bán

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	80.000.000	-
Công ty TNHH Ô tô Hàn Quốc	-	495.200.000
Công ty TNHH A.D.A	-	274.824.000
Khách hàng khác	69.626.111	288.437.567
TỔNG CỘNG	149.626.111	1.058.461.567
Trong đó:		
Trả trước các bên khác	149.626.111	1.039.851.107
Trả trước các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	-	18.610.460

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn	7.353.726.672	7.400.093.020
Chi hộ	4.855.819.161	4.221.935.698
Tạm ứng cho nhân viên	2.196.173.783	2.280.323.522
Ký quỹ, ký cược	173.880.000	173.880.000
Khác	127.853.728	723.953.800
Dài hạn	246.827.000	246.827.000
Ký quỹ, ký cược	246.827.000	246.827.000
TỔNG CỘNG	7.600.553.672	7.646.920.020
Trong đó:		
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	5.937.451.376	6.810.085.694
Phải thu từ các bên khác	1.663.102.296	836.834.326

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Nguyên vật liệu	362.099.301	390.044.872

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn	2.634.175.230	2.194.842.186
Công cụ, dụng cụ	2.010.291.720	1.743.976.191
Phí bảo hiểm	504.304.739	371.894.071
Khác	119.578.771	78.971.924
Dài hạn	852.771.165	833.323.934
Công cụ, dụng cụ	462.877.797	380.922.474
Chi phí bảo trì	389.893.368	452.401.460
TỔNG CỘNG	3.486.946.395	3.028.166.120

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	350.000.000	340.000.000	92.293.721.923	266.000.000	93.249.721.923
Mua trong kỳ	-	-	6.507.837.405	-	6.507.837.405
Thanh lý	-	-	(540.000.000)	-	(540.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	350.000.000	340.000.000	98.261.559.328	266.000.000	99.217.559.328
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	180.000.000	24.732.776.936	266.000.000	25.178.776.936
Giá trị hao mòn lũy kế					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	(247.916.661)	(243.333.327)	(55.978.758.479)	(266.000.000)	(56.736.008.467)
Khấu hao trong kỳ	(87.499.998)	(19.999.998)	(3.736.039.762)	-	(3.843.539.758) -
Thanh lý	-	-	436.500.000	-	436.500.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	(335.416.659)	(263.333.325)	(59.278.298.241)	(266.000.000)	(60.143.048.225)
Giá trị còn lại					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	102.083.339	96.666.673	36.314.963.444	-	36.513.713.456
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	14.583.341	76.666.675	38.983.261.087	-	39.074.511.103
<i>Trong đó:</i>					
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp (*)</i>	-	-	5.255.406.790	-	-

(*) Công ty đã thế chấp các xe đầu kéo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam như đề cập tại Thuyết minh số 14.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

Phần mềm máy tính

Nguyên giá

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021
và vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

47.250.000

Trong đó:

Đã hao mòn hết

47.250.000

Giá trị hao mòn lũy kế

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021
Hao mòn trong kỳ

(47.250.000)

-

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

(47.250.000)

Giá trị còn lại

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

-

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

-

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

Ngày 30 tháng 6
năm 2022

Ngày 31 tháng 12
năm 2021

Công ty TNHH DV TM Xăng dầu An Thịnh Phát
Công ty TNHH TM DV Xuất nhập khẩu
Vinatruck
Công ty TNHH DV Vận tải Kim Hoàng Phát
Chi nhánh Công ty Cổ phần TM DV Hiệp Tân
Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu
Khác

4.672.249.320

955.279.170

835.380.000

-

809.330.400

-

305.558.652

520.838.252

-

571.446.180

3.636.499.442

2.811.225.620

TỔNG CỘNG

10.259.017.814

4.858.789.222

Trong đó:

Phải trả các bên bên khác

9.760.885.546

4.702.779.486

Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 24)

498.132.268

156.009.736

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

			VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tăng	Giảm	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	4.731.429.221	(4.587.417.135)	144.012.086
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	43.673.844	-	43.673.844
TỔNG CỘNG	-	4.775.103.065	(4.587.417.135)	187.685.930
Phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	26.030.263	170.931.583	(169.285.658)	27.676.188
Thuế thu nhập doanh nghiệp	580.371.369	43.673.844	(624.045.213)	-
Thuế giá trị gia tăng	152.565.932	444.463.388	(597.029.320)	-
TỔNG CỘNG	758.967.564	659.068.815	(1.390.360.191)	27.676.188

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Quỹ hỗ trợ nhân viên	712.495.000	698.980.000
Trả cổ tức	135.318.920	90.683.000
Tiền cọc	-	17.160.000
Khác	48.757.571	41.326.945
TỔNG CỘNG	896.571.491	848.149.945
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên khác</i>	896.571.491	830.989.945
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 24)</i>	-	17.160.000

Công ty Cổ phần Transimex Logistics

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Transimex)

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Phân loại lại	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2022
Vay ngắn hạn	3.000.000.000	3.000.000.000	-	750.000.000	6.750.000.000
Vay từ bên liên quan	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	6.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	750.000.000	750.000.000
Vay dài hạn	-	3.000.000.000	-	(750.000.000)	2.250.000.000
Vay ngân hàng	-	3.000.000.000	-	(750.000.000)	2.250.000.000
TỔNG CỘNG	3.000.000.000	6.000.000.000	-	-	9.000.000.000

14.1 Vay ngắn hạn từ bên liên quan

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan (Thuyết minh số 24) được trình bày như sau:

Bên liên quan	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Lãi suất	Kỳ hạn	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
	VND	%/năm	Tháng		
Công ty Cổ phần Transimex	6.000.000.000	5 - 7	12	Từ ngày 1 tháng 7 năm 2022 đến ngày 15 tháng 3 năm 2023	Tín chấp

Công ty Cổ phần Transimex Logistics

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Transimex)

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. VAY (tiếp theo)

14.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết khoản vay ngân hàng dài hạn được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Lãi suất	Kỳ hạn	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
	VND	%/năm	Tháng		
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	<u>3.000.000.000</u>	7,5	48	Từ ngày 24 tháng 8 năm 2022 đến ngày 10 tháng 5 năm 2026	Các xe đầu kéo trình bày ở Thuyết minh số 9
Trong đó					
- Vay dài hạn đến hạn trả	750.000.000				
- Vay dài hạn	2.250.000.000				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Số đầu kỳ	756.133.859	653.228.773
Tăng trong kỳ	117.000.000	-
Giảm trong kỳ	(727.260.363)	(367.560.454)
Số cuối kỳ	<u>145.873.496</u>	<u>285.668.319</u>

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND		
	Vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	54.950.000.000	7.936.544.475	62.886.544.475
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	3.704.620.233	3.704.620.233
Trích lập các quỹ	-	(114.000.000)	(114.000.000)
Cổ tức đã công bố	-	(3.846.500.000)	(3.846.500.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>54.950.000.000</u>	<u>7.680.664.708</u>	<u>62.630.664.708</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc Ngày 30 tháng 6 năm 2022			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	54.950.000.000	8.055.453.268	63.005.453.268
Lỗ thuần trong kỳ	-	(117.636.616)	(117.636.616)
Cổ tức đã công bố (*)	-	(3.846.500.000)	(3.846.500.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>54.950.000.000</u>	<u>4.091.316.652</u>	<u>59.041.316.652</u>

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên 2022 ngày 26 tháng 3 năm 2022, các cổ đông của Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt tại mức 7% mệnh giá. Vào ngày 5 tháng 5 năm 2022, Hội đồng Quản trị đã thực hiện phương án chi trả cổ tức này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Vốn cổ phần		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	54.950.000.000	54.950.000.000
Cổ tức		
Cổ tức công bố trong kỳ	3.846.500.000	3.846.500.000
Cổ tức năm 2021: 700 VND/cổ phiếu (năm 2020: 700 VND/cổ phiếu)	3.846.500.000	3.846.500.000
Cổ tức đã trả trong kỳ	3.801.864.080	3.790.391.500

16.3 (Lỗ) lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau đây để tính (lỗ) lãi cơ bản và (lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	(117.636.616)	3.704.620.233
(Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (*)	(117.636.616)	3.704.620.233
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	5.495.000	5.495.000
(Lỗ) lãi cơ bản (VND)	(21)	674
(Lỗ) lãi suy giảm (VND)	(21)	674

(*) Công ty không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm tàng nào kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ cho đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Doanh thu dịch vụ vận tải	58.814.194.116	54.453.062.659
Doanh thu dịch vụ khác	853.105.445	926.836.188
DOANH THU THUẦN	59.667.299.561	55.379.898.847
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	48.335.778.681	42.130.355.737
Các bên khác	11.331.520.880	13.249.543.110

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Lãi tiền gửi	10.395.967	16.212.404

18. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Giá vốn dịch vụ cung cấp	54.218.799.836	47.012.212.485

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Lãi tiền vay	159.164.347	147.123.295
Chi phí khác	14.334.722	11.217.286
TỔNG CỘNG	173.499.069	158.340.581

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.714.489.297	2.535.040.552
Chi phí lương nhân viên	2.376.120.553	2.344.763.211
Chi phí khấu hao và hao mòn	87.499.998	92.749.998
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(90.000.000)	658.752.835
Khác	421.104.354	347.157.293
TỔNG CỘNG	5.509.214.202	5.978.463.889

21. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Thu nhập khác	109.462.963	2.536.645.113
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	109.462.963	2.536.363.638
Thu nhập khác	-	281.475
Chi phí khác	-	35.772.596
Các khoản phạt	-	35.772.596
THU NHẬP KHÁC THUẦN	109.462.963	2.500.872.517

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí nhiên vật liệu	28.077.908.824	19.130.869.728
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.325.719.928	20.002.558.498
Chi phí lương nhân viên	9.149.741.174	9.093.477.822
Chi phí khấu hao và hao mòn		
(Thuyết minh số 9 và 10)	3.843.539.758	3.757.860.198
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(90.000.000)	658.752.835
Khác	424.386.354	347.157.293
TỔNG CỘNG	59.731.296.038	52.990.676.374

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23.1 Chi phí thuế TNDN

		VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	956.747.882
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	-	86.598.698
TỔNG CỘNG	-	1.043.346.580

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

		VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	(117.636.616)	4.747.966.813
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(23.527.323)	949.593.363
<i>Điều chỉnh:</i>		
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	-	86.598.698
Chi phí không được trừ	-	7.154.519
Chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận thuế hoãn lại	23.527.323	-
Chi phí thuế TNDN	-	1.043.346.580

23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	45.987.872.267	40.546.444.599
		Vay	3.000.000.000	-
		Nhận cổ tức	2.903.250.000	-
		Chi hộ	2.430.725.371	1.238.157.500
		Mua dịch vụ	599.783.803	753.296.608
		Lãi vay	130.191.744	147.123.295
Công ty Cổ phần Vinafreight	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	1.487.657.414	1.407.997.729
		Chi hộ	480.933.904	482.573.904
		Mua dịch vụ	-	454.545
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	60.490.000	96.473.409
		Nhận ký cược, ký quỹ	-	17.160.000
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	52.300.000	-
		Mua dịch vụ	5.363.637	4.636.364
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	1.124.745.000	79.440.000
		Trả hộ	280.985.055	14.545.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu khách hàng ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	22.033.410.207	11.285.460.830
Công ty Cổ phần Vinafreight	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	722.908.426	618.337.886
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	234.282.240	353.332.190
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Teck Park Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	12.528.000	-
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	44.833.250
			23.003.128.873	12.301.964.156
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Chi hộ	1.478.330.969	634.058.812
Công ty Cổ phần Vinafreight	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chi hộ	156.087.807	83.717.014
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chi hộ	28.683.520	119.058.500
			1.663.102.296	836.834.326
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	-	18.610.460

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải trả với các bên liên quan như sau:

			VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	498.132.268	30.114.736
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	-	125.895.000
			498.132.268	156.009.736
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	Công ty trong cùng Tập đoàn	Nhận ký cược, ký quỹ	-	17.160.000
Vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Vay ngắn hạn	6.000.000.000	3.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Thù lao và thưởng	<u>269.356.034</u>	<u>257.784.783</u>

25. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Dưới 1 năm	<u>739.863.200</u>	<u>710.996.333</u>

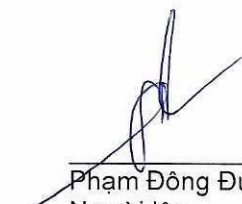
26. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Giám đốc vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

27. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.


Phạm Đông Đức
Người lập


Nguyễn Hải Nhật
Kế toán trưởng




Phạm Anh Tuấn
Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TRANSIMEX LOGISTICS**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09 /TMSLOGISTICS/2022

TP.HCM, ngày 13 tháng 08 năm 2022

V/v Giải trình lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2022
thấp hơn so với cùng kỳ năm 2021

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Transimex Logistics

- Mã CK: TOT

Công ty Cổ phần Transimex Logistics (Mã chứng khoán: TOT) giải trình việc lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2022 có thay đổi lớn hơn 10% so với cùng kỳ năm trước như sau:

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2021 (VND)	6 tháng đầu năm 2022 (VND)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.704.620.233	- 117.636.616

Từ đầu năm 2022, giá xăng dầu liên tục tăng, khiến chi phí trong hoạt động vận tải hàng hóa bằng đường bộ - lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty tăng cao. Do đó, lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2022 giảm so với cùng kỳ năm 2021.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TRANSIMEX LOGISTICS
NGƯỜI ỦY QUYỀN CBTT
CỔ PHẦN
TRANSIMEX
LOGISTICS**

Nguyễn Hải Nhật